TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1108/2024/HS-PT
Ngày: 28 - 11 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 689/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo Trương Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2024/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Thị T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 29/8/1962, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: E T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: 293 Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn V (đã chết) và Trương Thị S (đã chết); gia đình bị cáo có 03 người em (lớn nhất sinh năm 1965, nhỏ nhất sinh năm 1969); bị cáo có chồng là Hà Văn M, sinh năm 1958 và có 02 người con (con lớn sinh năm 1985 và con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Huỳnh Anh T1 - Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Tô Bá T2 - Đoàn luật sư Thành phố H. (vắng mặt không rõ lý do)

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/12/2017, Trương Thị T thông qua ông Từ Huy H biết được ông Nguyễn Ngọc H1 có nhu cầu muốn xin việc cho con trai là Nguyễn Hoàng Đ vào làm việc tại bộ phận an ninh Sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh. T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã nói với ông H1 là T có mối quan hệ quen biết có thể xin việc làm cho anh Đ và chi phí xin việc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngày 01/01/2018, ông H, ông H1 và anh Đ đến gặp T tại sảnh tòa nhà Vinhomes Central P, địa chỉ số B N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua trao đổi, T tư vấn ông H1 cho anh Đ đi học phi công và hứa hẹn sẽ xin cho Đ được vào học tại Trường P1, ông H1 đưa tiền mặt cho T 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), T nhận tiền và viết giấy xác nhận (có ông H chứng kiến). Sau đó, T nói muốn nhanh thì đưa thêm tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) còn lại nên ông H1 hẹn ngày 02/01/2018 sẽ chuyển khoản cho T. Ông H1 hứa nếu T xin được cho Đ học phi công thì ông H1 sẽ thưởng cho T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 02/01/2018, Phạm Thị N là nhân viên của ông H1 đã chuyển khoản cho T số tiền 250.000.000 đồng còn lại vào tài khoản số 0721000557453 Ngân hàng V1 của T. Cùng ngày 02/01/2018, T đồng ý và chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của T ở Ngân hàng V1 đến số tài khoản ở Ngân hàng A chi nhánh Đ1 của ông Từ Huy H để cho mượn. Ông H đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho T vào ngày 11/5/2022. Giữa T và ông H không thỏa thuận về lợi ích gì khi ông H giới thiệu ông H1 cho T.

Sau khi nhận các giấy tờ, bằng cấp do anh Đ cung cấp, T không nộp hồ sơ, bằng cấp của Đ vào Trường P1 như đã hứa với ông H1. Khoảng tháng 10/2018, T gọi điện thoại nói anh Đ đến Trường P1. Khi đến nơi, có một người đàn ông (không rõ thông tin lai lịch) ở trong trường đi ra dẫn anh Đ vào trường gặp một người đàn ông khác (không rõ thông tin lai lịch) vào một phòng làm việc và được biết đây là T3 đào tạo phi công, nếu muốn học phi công thì phải đủ chiều cao, cân nặng, giỏi ngoại ngữ.

Sau đó, anh Đ muốn vào làm an ninh Sân bay Tân Sơn N1 vì thấy không đủ điều kiện để học phi công, ông H1 điện thoại cho T nói về việc này và T hứa hẹn sẽ xin cho anh Đ vào làm bộ phận an ninh Sân bay T khi có đợt tuyển. Thực tế, T không quen biết, không liên hệ người nào và không làm thủ tục hồ sơ để xin việc cho anh Đ như đã thỏa thuận.

Sau một thời gian chờ đợi, ông H1 gọi cho T yêu cầu trả lại tiền nhưng T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện và trốn tránh. Ngày 08/11/2021, ông H1 đã làm đơn tố cáo T đến Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Qua xác minh, Trường P1 và Cảng hàng không quốc tế T4 thể hiện: trong thời gian từ năm 2018 đến nay, T3 và Cảng không có tiếp nhận hồ sơ ứng viên tên Nguyễn Hoàng Đ.

Trương Thị T đã khai nhận việc đưa ra thông tin gian dối cho ông Nguyễn Ngọc H1 biết là T quen biết với nhiều người có thể xin vào làm việc tại bộ phận an ninh Sân bay T. T biết rõ bản thân không xin được việc làm cho người khác nhưng vẫn nhận tiền và hứa hẹn sẽ xin việc làm cho con của ông H1 là anh Nguyễn Hoàng Đ. T đã nhận của ông H1 số tiền 500.000.000 đồng và đã sử dụng hết số tiền 500.000.000 đồng vào mục đích cá nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 301/2024/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trương Thị T**:** 12 (Mười hai) năm tù, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/4/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2024, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng: mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng so với hành vi của bị cáo. Bị cáo trình bày gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ do có em ruột được công nhận là liệt sỹ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ nên cần được xem xét. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng do lười lao động, đồng thời để có tiền nhằm thoả mãn tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật để cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" , xử bị cáo 12 năm tù là tương xứng với hành vi, có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo đưa ra được gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ do có em ruột

được công nhận là liệt sỹ nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo quy định. Giá 500.000.000 đồng là do bị cáo đưa ra. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét mức độ thành khẩn khai báo; Hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, bị cáo không chủ động chiếm đoạt mà do bị hại tự nguyện đến liên hệ với bị cáo; Bị cáo có liên hệ việc làm cho anh Đ; C yêu cầu anh Đ đi học Anh văn để đáp ứng tiêu chuẩn phi công. Bị cáo đưa ra được chứng cứ chứng minh gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ do có em ruột được công nhận là liệt sỹ nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo Trương Thị T khai nhận việc bị cáo có nhận số tiền 500.000.000 đồng của bị hại để hứa hẹn sẽ xin cho cháu Đ được vào học tại Trường P1 khi có đợt tuyển. Sau khi sự việc không thành công, bị cáo đã có thỏa thuận với bị hại để trả lại một nửa số tiền cho bị hại, xác nhận là sử dụng tiền của ông H1 vào việc riêng, do đó không có tiền trả lại cho bị hại khi bị hại yêu cầu.

Trương Thị T đã mạo nhận có mối quan hệ quen biết có thể xin cho anh Đ là con của ông Nguyễn Ngọc H1 vào học tại Trường P1 hoặc vào làm việc trong bộ phận an ninh Sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H1 tin tưởng nên đã chuyển cho T tổng số tiền 500.000.000 đồng theo yêu cầu. Thực tế, T không quen biết người nào tại Trường P1 nên không nộp đơn dự tuyển cho anh Đ và cũng không quen biết với người nào để xin cho anh Đ vào làm việc tại bộ phận an ninh Sân bay T. Sau đó, T cố tình trốn tránh nhằm chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng đã dùng để tiêu xài cá nhân trước đó. Hành vi của bị cáo phù hợp với Bản kết luận giám định số 1387/KL-KTHS ngày 15/3/2022 của Phòng K Công an Thành phố H.

Do vậy, hành vi dùng thủ đoạn gian dối của bị cáo Trương Thị Tuyết N2 chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền 500.000.000 đồng, đã phạm vào tội

"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2.2]. Về hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa sơ thẩm đã xem xét bị cáo thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đã cao tuổi, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đưa ra được chứng cứ chứng minh gia đình bị cáo là gia đình liệt sỹ do có em ruột được công nhận là liệt sỹ nên được cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" , xử bị cáo 12 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với hành vi phạm tội, có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[2.4]. Quan điểm của Luật sư bào chữa không được chấp nhận.

[2.5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.6]. Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Trương Thị T phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2024/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Thị T**:** 12 (Mười hai) năm tù, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/4/2023.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị T phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại Tạm giam CA. TP. HCM;
- Bị cáo (Trại TG tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt